

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Basagran

Sử dụng: Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, Thuốc diệt cỏ

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Độ độc cấp tính: Cat.4 (tiếp xúc miệng)
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.2B
Chất gây dị ứng da: Cat.1
Độc đối với quá trình sinh sản: Cat.2 (thai nhi)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.1
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
 Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H320	Gây kích ứng mắt.
H302	Nguy hại khi nuốt phải.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H361	Nghi ngờ làm tổn thương thai nhi.
H411	Độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.
H400	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P101	Nếu cần tư vấn y tế, nên đem theo hộp đựng hay nhãn sản phẩm.
P102	Tránh xa tầm tay trẻ em.
P103	Đọc nhãn sản phẩm trước khi sử dụng.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ/ quần áo bảo hộ và thiết bị bảo vệ mắt/mặt. Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước
P201	Xem hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202	Không sử dụng cho đến khi đọc kỹ và hiểu rõ các lưu ý an toàn.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P270	Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P264	Rửa sạch nếu bị nhiễm bẩn sản phẩm sau khi tiếp xúc.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P301+P312	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chết Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P330	Súc miệng.
P308+P313	Nếu đã tiếp xúc hoặc nghi ngờ tiếp xúc: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P391	Thu gom tràn đổ.
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi bảo quản:

P405	Kho lưu trữ khóa kín.
------	-----------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, Thuốc diệt cỏ, chất tinh lọc có thể hòa tan (SL)

Thành phần nguy hại

1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt
Hàm lượng (W/W): 44 %
Số CAS: 50723-80-3
Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A
Skin Sens.: Cat. 1
Repr.: Cat. 2 (thai nhi)
Aquatic Acute: Cat. 1
Aquatic Chronic: Cat. 2

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột, bột khô, cacbon dioxide

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Những mối nguy hiểm cụ thể:
carbon monoxide, carbon dioxide, các oxit nitơ, các oxit sulfur
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:
Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ Giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước nếu tiếp xúc với lửa.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Không hít thở hơi/bụi nước Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Không thải vào tầng đất nền/đất.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát)

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín. Lau dọn sàn và vật nhiễm bẩn với nước và chất tẩy vết bẩn, tuân thủ các quy định về môi trường. Sử dụng trang thiết bị BHLĐ thích hợp.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Không cần thiết có các biện pháp đặc biệt nếu được cất trữ và sử dụng đúng. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hoá chất Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Chất/sản phẩm không cháy. Sản phẩm không phải là chất nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Tính ổn định lưu trữ:

Thời gian lưu trữ: 60 Months

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: 0 °C

Sản phẩm có thể kết tinh dưới nhiệt độ giới hạn.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc kết hợp dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ, vô cơ, acid vô cơ và kiềm (vd. EN 14387 Loại ABEK).

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Những công bố về thiết bị bảo hộ cá nhân trong các hướng dẫn sử dụng áp dụng khi xử lý các tác nhân bảo vệ mùa màng trong các bao bì tiêu dùng cuối cùng. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc. Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	vàng sáng đỏ đến nâu
Mùi:	Mùi trái cây, Mùi nhẹ
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.
Giá trị pH:	tương đương 6 - 7 (Tiêu chuẩn D đối với nước theo CIPAC, 1 %(m), 20 °C)
Điểm nóng chảy:	tương đương 0 °C (1,013.3 hPa) Thông tin áp dụng đối với dung môi.
Điểm sôi:	tương đương 100 °C (1,013.3 hPa) Thông tin áp dụng đối với dung môi.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023

Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Điểm chớp cháy:	Không có điểm chớp – Tiến hành đo đến điểm sôi.	(ISO 2719)
Tốc độ bay hơi:	không áp dụng	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không áp dụng	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Nhiệt độ tự cháy:	555 °C	(Chỉ thị 92/69/EEC, A.15)
Phân huỷ do nhiệt:	160 °C , 190 kJ/kg (nhiệt độ bắt đầu)	(DSC (OECD 113))
SADT:	Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1 > 75 °C	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	tương đương 23.4 hPa Thông tin áp dụng đối với dung môi.	
Tỷ trọng:	tương đương 1.19 g/cm3 (20 °C)	(OECD-Hướng dẫn 109)
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng	
Tính tan trong nước:	có thể hòa tan hoàn toàn	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	Các báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): 0.77
(Giá trị pH: 5)

Tính nhớt, động lực: tương đương 9 mPa.s (OECD 114)
(20 °C, 100 1/s)
5.3 mPa.s
(40 °C, 100 1/s)

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:
Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: 160 °C, 190 kJ/kg (DSC (OECD 113))
(nhiệt độ bắt đầu)

Phân huỷ do nhiệt: Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1

Những chất cần tránh:
các chất bazơ mạnh, các axit mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

Những phản ứng nguy hiểm:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:
Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50 chuột (miệng): > 1,000 - < 2,000 mg/kg (OECD hướng dẫn 401)

Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 4.8 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)
Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận. Thí nghiệm sol khí.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Độ độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 4,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)
Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Đánh giá độ độc cấp tính

Độc tính vừa phải sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Hầu như không độc khi hít phải.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Tiếp xúc với mắt gây kích ứng. Không gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: Gây kích ứng.

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Có thể làm mẫn cảm sau khi tiếp xúc với da. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt
Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: làm mẫn cảm da (OECD hướng dẫn 406)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:
Thí nghiệm đột biến cho thấy không có khả năng độc tính gen. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:
Những kết quả từ các nghiên cứu khác nhau trên động vật không cho thấy sự hiện diện của tác nhân gây ung thư. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:
Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc tính gia tăng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Đánh giá vấn đề quái thai:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những chỉ số về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật. Hoá chất không phải là nguyên nhân gây dị tật cơ thể trong các nghiên cứu trên động vật. Khi thí nghiệm với liều lượng cao, độc tính đối với thai nhi được phát hiện.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Ghi chú: Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sử dụng sai có thể làm nguy hại đến sức khỏe.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Rất độc đối với sinh vật thủy sinh. Độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 100 mg/l, Oncorhynchus mykiss (EPA 72-1, tính điện)

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 100 mg/l, Daphnia magna (Hướng dẫn OECD 202, phần 1)

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 34.5 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Pseudokirchneriella subcapitata

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

EC10 (72 h) 9 mg/l, *Pseudokirchneriella subcapitata*

EC50 (14 d) 0.595 mg/l,

EC10 (14 d) 0.172 mg/l,

Nồng độ tác động không quan sát được 0.278 mg/l,

EC50 (14 d) 3.48 mg/l,

EC10 (14 d) 0.5 mg/l,

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Độc mãn tính cho loài cá:

Nồng độ tác động không quan sát được (35 d) > 9.16 mg/l, *Pimephales promelas*

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), > 91.6 mg/l, *Daphnia magna*

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sau khi tiếp xúc với nền đất, hóa chất sẽ lan rộng và tùy thuộc vào quá trình phân hủy có thể khiến hóa chất thấm sâu vào trong lòng đất và đi vào mạch nước ngầm.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: 1H-2,1,3-Benzothiadiazin-4(3H)-one, 3-(1-methylethyl)-, 2,2-dioxide, sodium salt

Khả năng tích lũy sinh học:

Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Thông tin bổ sung

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:
Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

13. Thông tin về thải bỏ

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể và được xử lý theo cách thức tương tự như chất/sản phẩm.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3-ISOPROPYL-1H-2,1,3-BENZOTHIADIAZIN-4(3H)-ONE 2,2-DIOXIDE, SODIUM SALT)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Nhóm đóng gói: III
Mối nguy hiểm về môi trường: Có
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG
Số UN hoặc số ID: UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3-ISOPROPYL-1H-2,1,3-BENZOTHIADIAZIN-4(3H)-ONE 2,2-DIOXIDE, SODIUM SALT)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Nhóm đóng gói: III
Mối nguy hiểm về môi trường: Có
Ô nhiễm hàng hải: CÓ
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: EmS: F-A; S-F

Sea transport

IMDG
UN number or ID number: UN 3082
UN proper shipping name: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3-ISOPROPYL-1H-2,1,3-BENZOTHIADIAZIN-4(3H)-ONE 2,2-DIOXIDE, SODIUM SALT)
Transport hazard class(es): 9, EHSM
Packing group: III
Environmental hazards: yes
Marine pollutant: YES
Special precautions for user: EmS: F-A; S-F

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Air transport

IATA/ICAO

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
 Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Số UN hoặc số ID:	UN 3082	UN number or ID number:	UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3-ISOPROPYL-1H-2,1,3-BENZOTHIADIAZIN-4(3H)-ONE 2,2-DIOXIDE, SODIUM SALT)	UN proper shipping name:	ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3-ISOPROPYL-1H-2,1,3-BENZOTHIADIAZIN-4(3H)-ONE 2,2-DIOXIDE, SODIUM SALT)
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	9, EISM	Transport hazard class(es):	9, EISM
Nhóm đóng gói:	III	Packing group:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	Có	Environmental hazards:	yes
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Chưa có thông tin	Special precautions for user:	None known

Thông tin bổ sung

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 L trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; IATA: A197; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2); 49 CFR: §171.4 (c) (2).

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, tuân theo các hướng dẫn sử dụng.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 25.07.2023
Sản phẩm: **Basagran**

Phiên bản: 7.0

(30035190/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.